

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14.9.2017

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành**

2. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2017/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thanh S**, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Số 378/24, đường X, phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã T, huyện C, tỉnh Long An
(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh S trình bày như sau: Anh và chị Y cưới nhau năm 2002, do tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng bình thường đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ để giải quyết mâu thuẫn hàn gắn, đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Y.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Trần Phát G, sinh ngày 14/01/2003, bị bệnh bại não hiện đang do chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu để chị Y được tiếp tục nuôi con chung và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Không có

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn cũng như thời gian ly thân đúng như anh S trình bày. Nay anh S yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung đúng như anh S trình bày. Khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục nuôi con chung và chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng vì chị nuôi con thì phải ở nhà trực tiếp chăm sóc không thể đi làm để kiếm thêm thu nhập được do con chị bị bệnh bại não không thể hoạt động bình thường.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Y yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng và anh S cũng đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trần Thanh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Y là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Anh S và chị Y cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa anh S và chị Y xác định giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên cùng yêu cầu Tòa án cho được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh S và chị Y là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 đứa con chung tên Trần Phát G, sinh ngày 14/01/2003, bị bệnh bại não và hiện chị Y đang trực tiếp chăm sóc. Tại phiên tòa anh S và chị Y thỏa thuận thống nhất để chị Y tiếp tục nuôi con chung và anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị Y, buộc anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 14/9/2017 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng của anh S được chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Anh Trần Thanh S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh S với chị Nguyễn Thị Ngọc Y.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh S và chị Y để chị Y được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Phát G, sinh ngày 14/01/2003. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 14/9/2017 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng của anh S được chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0000133 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức, anh S còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- CCTHADS huyện Cần Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

TRẦN THỊ YẾN TRINH

